

Bản án số 147/2022/HCPT

Ngày 05/5/2022

Vv Khiếu kiện quyết định hành
chính trong lĩnh vực đất đai.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Anh Tài;

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Vũ Đông;

Ông Nguyễn Xuân Hùng.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Đặng Thị Cẩm Ly, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa:
Ông Bùi Ngọc Tân, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 05 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội xét xử công khai vụ án hành chính thụ lý số 468/2021/TLPT-HC ngày 08 tháng 11 năm 2021 về việc “Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực đất đai”, do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2021/HC-ST ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 3781/2022/QĐ-PT ngày 21 tháng 4 năm 2022 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội, giữa các đương sự sau:

* **Người khởi kiện:** Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1958; địa chỉ: số 21B, khu phố 2, phường Tân Chánh H, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện: Ông Nguyễn Văn Kh, sinh năm 1972; địa chỉ: thôn 2, xã Đông D, huyện Gia L, thành phố Hà Nội; có mặt.

* **Người bị kiện:** Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Gia L, thành phố Hà Nội và Ủy ban nhân dân huyện Gia L, thành phố Hà Nội; địa chỉ: số 10 Ngô Xuân Quảng, thị trấn Trâu Quỳ, huyện Gia L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Đặng Thị H1 - Chủ tịch; vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của người bị kiện: Ông Nguyễn Đức H2 – Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Nguyễn Đình B - Phó phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gia L; có mặt.

**** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:***

1. Ủy ban nhân dân xã Đông D, huyện Gia L, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu Nh - Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Quốc S - Công chức Địa chính - Xây dựng; có mặt.

2. Ông Nguyễn Văn H3, sinh năm 1955; vắng mặt;

3. Chị Nguyễn Thị Tố L1, sinh năm 1983; vắng mặt;

4. Chị Nguyễn Thị Thu Tr, sinh năm 1985; vắng mặt;

5. Chị Nguyễn Thị Thu H4, sinh năm 1992; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: số 21B, khu phố 2, phường Tân Chánh H, quận 12, thành phố Hồ Chí Minh.

6. Ông Nguyễn Văn M; vắng mặt;

7. Ông Nguyễn Văn Kh; vắng mặt;

8. Bà Đặng Thị Nh1; vắng mặt;

9. Bà Nguyễn Thị Ánh T; vắng mặt;

10. Chị Nguyễn Thị Hồng Ng; vắng mặt;

11. Anh Nguyễn Mạnh M1; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: thôn 2, xã Đông D, huyện Gia L, thành phố Hà Nội.

12. Ông Nguyễn Văn H5; vắng mặt;

13. Bà Nguyễn Thị Th1; vắng mặt;

Cùng địa chỉ: P1101, A2D1, khu đô thị Đặng X, huyện Gia L, thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Đại diện người khởi kiện cho bà Nguyễn Thị Th trình bày:***

Ngày 15/3/1991, bà được UBND xã Đông D giao cho diện tích 240m² đất giãn dân theo Phiếu thu nhượng lại nhà ở và đất đề ngày 18/01/1991, Giấy biên nhận đất giãn dân của UBND xã Đông D ngày 15/3/1991. Tại thời điểm ủy ban giao đất giãn dân cho bà vào năm 1991, trên diện tích 240m² có căn nhà nhỏ, chính vì thế tại Phiếu thu số 40 ngày 18/01/1991 có nêu nộp tiền lệ phí chuyển nhượng lại nhà ở và đất cho bà. Năm 1995 do bà phải đi làm ăn xa nên có nhờ gia đình em trai (Nguyễn Văn Kh) chăm sóc toàn bộ cây cối trên đất và quản lý sử dụng ổn định diện tích đất này từ năm 1995 đến nay.

Từ trước đến nay bà không sang tên, chuyển nhượng diện tích đất này cho bất kỳ ai (kể cả đối với bố mẹ và em trai). Trong quá trình quản lý và sử dụng

đất, gia đình ông Kh đã tiến hành xây tường rào bằng gạch dài 7,5m tiếp giáp phía ngoài mặt đường (đất có chiều dài 30m) và trồng nhiều cây ăn quả, không có tranh chấp với ai.

Như vậy, kể từ khi được chính quyền xã Đông D giao đất từ năm 1991 đến nay gia đình bà đã sử dụng ổn định, lâu dài không tranh chấp với ai và đủ điều kiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ). Tuy nhiên không hiểu vì lý do gì mà UBND huyện Gia L lại lấy quyền sử dụng đất của gia đình bà để đem bán đấu giá. Gia đình không nhận được quyết định thu hồi đất nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không có dự án, phương án bồi thường và hỗ trợ của chính quyền địa phương, không có bất kỳ cơ quan, tổ chức và cá nhân nào thông báo cho gia đình bà biết về việc thu hồi, bồi thường, hỗ trợ về đất khi Nhà nước thu hồi diện tích đất này của gia đình bà. Về việc UBND huyện Gia L cho rằng Phiếu thu số 40 ngày 18/01/1991 là phiếu thu thể hiện việc nộp lệ phí, nhượng lại nhà ở và đất chứ không phải là phiếu thu tiền sử dụng đất để được nhận đất là không đúng. Như đã trình bày gia đình bà có các giấy tờ hợp lệ về việc giao đất của UBND xã Đông D, Phiếu thu số 40 ngày 18/01/1991, Giấy biên nhận của UBND xã Đông D cấp ngày 15/3/1991.

Nay bà Th đề nghị Tòa tuyên hủy Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện Gia L về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Th vì đây là quyết định không có căn cứ, xâm phạm đến quyền và lợi ích hợp pháp đối với quyền sử dụng đất diện tích 240m² và tài sản trên đất của bà tại thôn 2, xã Đông D, huyện Gia L, Hà Nội.

Ngày 10/12/2020, bà Th bổ sung đơn khởi kiện do bà được biết ngày 05/9/2019, UBND huyện Gia L đã cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 847769, thửa đất LK2, tờ bản đồ khu X3, diện tích 62,4m² tại địa chỉ thửa đất tại thôn 2, xã Đông D, huyện Gia L, Hà Nội cho vợ chồng ông Nguyễn Văn H5 và bà Nguyễn Thị Th1. Việc UBND huyện Gia L cấp GCNQSDĐ cho người khác là không đúng quy định của pháp luật, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Căn cứ Điều 101 Luật Đất đai 2013 thì bà có đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ vì là “đất không có tranh chấp”. Vì vậy, bà Th yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 847769, thửa đất LK2, tờ bản đồ khu X3, diện tích 62,4m² tại địa chỉ thửa đất tại thôn 2, xã Đông D, huyện Gia L, Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Văn H5 và vợ là bà Nguyễn Thị Th1.

Tại Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 17/6/2021, đại diện theo ủy quyền của bà Th có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 9081/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Gia L về việc phê duyệt báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt xã Đông D, huyện Gia L và Quyết định số 4224/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND huyện Gia L về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất

nhỏ, kẹt tại các khu đất X2, X3, X4 thôn 2, X8, X12, X13 thôn 4, X19 thôn 6 xã Đông D, huyện Gia L.

** Đại diện người bị kiện là UBND huyện Gia L trình bày:*

Gia đình cụ Nguyễn Văn M (bố bà Nguyễn Thị Th) có một phần đất thổ cư do nhận chuyển nhượng của cụ phó Thụy từ trước năm 1954 khoảng 1,5 sào (540m²). Hiện tại UBND xã và gia đình không còn lưu giữ giấy tờ chuyển nhượng thời kỳ đó. Phần đất này thể hiện trên bản đồ năm 1974 tại thửa đất số 89 có diện tích 524m² và thể hiện trong Sổ mục kê năm 1986 tại thửa đất số 464, tờ bản đồ số 5, diện tích 566m². Vào khoảng năm 1989, Hợp tác xã cấp thêm cho con gái ông M là bà Nguyễn Thị Th 240m² theo Giấy biên nhận ngày 15/3/1991 của ông Nguyễn Hữu Thất - Phó Chủ tịch UBND xã Đông D. Sau khi được cấp đất bà Th chuyển nhượng lại cho bố là ông Nguyễn Văn M theo Phiếu thu lệ phí nhượng lại nhà ở + đất ngày 18/1/1991 với số tiền 50.000 đồng. Đối với Giấy biên nhận ngày 15/3/1991 chỉ có tính xác nhận là đã giải quyết đất ao cho bà Nguyễn Thị Th tại trước cửa nhà ông M tại thửa đất số 464 giáp thửa 475. Vị trí đất ao cấp cho bà Th là phần đất giáp với thửa đất thổ cư cũ của gia đình ông M theo bản đồ đo vẽ năm 1974 và năm 1986. Đây là phần đất giáp với cầu ao có cây dừa của gia đình ông M. Năm 1993 đo đạc thành lập bản đồ địa chính đã đo gộp cả phần đất trước đây cấp cho bà Th và một phần do gia đình ông M bao chiếm đất công thành thửa đất số 33, tờ bản đồ 08, diện tích 1156m² mang tên ông Nguyễn Văn M. Gia đình ông Nguyễn Văn M được UBND huyện Gia L cấp GCNQSDĐ số AD 39165 theo Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 29/12/2005 tại thửa đất số 33, tờ bản đồ 08, diện tích 1156m². Mục đích sử dụng 1000m² đất ở và 156m² đất trồng cây lâu năm mang tên ông Nguyễn Văn M và bà Hoàng Thị Th1 (đã chết).

Theo báo cáo của UBND xã Đông D thì phần diện tích 240m² đất UBND xã Đông D đã cấp cho bà Nguyễn Thị Th đã được cấp gộp vào thửa đất thổ cư cũ của gia đình ông M và được thể hiện tại thửa đất số 33, tờ bản đồ 08, diện tích 1156m². Từ khi được cấp đất đến nay, bà Th không trực tiếp sử dụng đất được cấp mà chuyển quyền cho bố Nguyễn Văn M. Sau đó bà Th đã thoát ly theo chồng vào Nam sinh sống từ đó đến nay. Phần đất được cấp cho ông M được san lấp mà Th cho rằng đất đó do UBND xã cấp cho gia đình ông M xây dựng để bảo vệ phần đất đang thuê thầu từ sau năm 1993. Diện tích đất bà Th yêu cầu khởi kiện thuộc thửa đất số 40 và 41 bản đồ đo vẽ năm 1993-1994 ghi tên trong sổ giã ngoại là Hợp tác xã (đất công do UBND xã quản lý) không phải phần diện tích đất đã cấp cho bà Th năm 1989. Phần đất này UBND huyện Gia L đã tổ chức đấu giá. Trước khi đấu giá, Ban quản lý dự án đã lên phương án hỗ trợ cây cối, tài sản trên đất cho gia đình ông Nguyễn Văn Kh (vợ là Nguyễn Thị Nh1) và ông Nguyễn Hữu Nh2 (tự sử dụng một phần thửa đất 41) nhưng gia đình ông Nguyễn Văn Kh không nhận tiền. Về yêu cầu hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 847769, thửa đất số: LK2 tờ

bản đồ số: Khu X3, diện tích 62,4m², tại địa chỉ thôn 2 xã Đông D, huyện Gia L, thành phố Hà Nội do UBND huyện Gia L cấp cho ông Nguyễn Văn H5 và bà Nguyễn Thị Th1 ngày 05/9/2019 thấy rằng đúng quy trình và đúng pháp luật. Ông Nguyễn Văn H5 và bà Nguyễn Thị Th1 đã trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại thửa đất số LK2, lô đất X2, thôn 2 đã được UBND huyện Gia L phê duyệt ngày 27/8/2019 và được cấp GCNQSDĐ.

Từ các căn cứ trên, Chủ tịch UBND huyện Gia L nhận thấy việc gia đình bà Nguyễn Thị Th đề nghị được cấp trả 240m² đất do UBND xã Đông D cấp giãn dân cho bà Nguyễn Thị Th là không có cơ sở. Đại diện UBND huyện Gia L đề nghị Tòa án bác yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của người khởi kiện.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

- Đại diện UBND xã Đông D, huyện Gia L trình bày: Năm 2008 cụ Nguyễn Văn M (bố bà Nguyễn Thị Th) có thuê thầu một phần đất công gần nhà để sử dụng vào mục đích sản xuất nông nghiệp, thuộc thửa đất số 40+41+42+43, tờ bản đồ số 08. Ngày 10/9/2012, UBND xã Đông D tổ chức Th lý Hợp đồng số 30/HĐ-UBND ngày 15/2/2008 để xây dựng nhà văn hóa thôn 2 diện tích 690m². Phần còn lại UBND xã đề nghị UBND huyện Gia L đấu giá quyền sử dụng đất xen kẹt trong khu dân cư. Tuy nhiên, do chưa triển khai thực hiện dự án nên phần đất này vẫn để gia đình ông M và con là Nguyễn Văn Kh trồng cây và thu hoạch trên đất. Mặt khác, trong hồ sơ địa chính còn lưu giữ tại UBND xã Đông D không có tên chủ sử dụng đất là Nguyễn Thị Th và gia đình bà Th cũng không có tên trong sổ bộ thuế nhà đất (nay là thuế sử dụng đất phi nông nghiệp) từ trước đến nay. Về nguồn gốc sử dụng đất của cụ M có một phần đất thổ cư do nhận chuyển nhượng của cụ phó Thụy từ trước năm 1954 khoảng 1,5 sào (540m²). Hiện tại UBND xã Đông D và gia đình không còn lưu giữ giấy tờ chuyển nhượng thời kỳ đó. Phần đất này thể hiện trên bản đồ năm 1974 tại thửa đất số 89 có diện tích 524m² và thể hiện trong Sổ mục kê năm 1986 tại thửa đất số 464, tờ bản đồ số 5, diện tích 566m². Vào khoảng năm 1989, Hợp tác xã cấp thêm cho con gái ông M là bà Nguyễn Thị Th 240m² theo giấy biên nhận ngày 15/3/1991 của ông Nguyễn Hữu Thất - Phó Chủ tịch UBND xã Đông D. Sau đó bà Th chuyển nhượng lại cho bố là ông Nguyễn Văn M theo Phiếu thu lệ phí nhượng lại nhà ở + đất ngày 18/01/1991 với số tiền 50.000 đồng. Phần đất này đã đo gộp vào phần đất thổ cư cũ của gia đình ông M được thể hiện trên bản đồ địa chính đo vẽ năm 1993-1994: tại thửa đất số 33, tờ bản đồ 08, diện tích 1156m², loại đất thổ cư (T), Sổ dã ngoại lập kèm theo mang tên ông Nguyễn Văn M. Về hồ sơ địa chính: UBND xã Đông D hiện đang lưu giữ bản đồ đo vẽ năm 1974 được thể hiện thửa đất số 89 diện tích 524m² thuộc tờ bản đồ Đông Dư Thượng; Sổ mục kê năm 1986 được thể hiện thửa đất số 464, tờ bản đồ 05, diện tích 566m² loại đất thổ cư (T) mang tên Nguyễn Văn M; bản đồ đo vẽ năm 1993-1994 thể hiện thửa đất số 33, tờ bản đồ 08, diện tích 1156m² loại đất thổ

cur (T) mang tên Nguyễn Văn M. Thửa đất không có nông nghiệp giao theo Nghị định 64/CP chuyển về vườn.

Gia đình ông Nguyễn Văn M được UBND huyện Gia L cấp GCNQSDĐ số AD 39165 theo Quyết định số 1340/QĐ-UB ngày 29/12/2005 tại thửa đất số 33, tờ bản đồ 08, diện tích 1156m², mục đích sử dụng là 1000m² đất ở và 156m² đất trồng cây lâu năm mang tên ông Nguyễn Văn M và vợ là bà Hoàng Thị Th1 (đã chết). Ông M đã nhận thừa kế toàn bộ thửa đất theo GCNQSDĐ đất số BE 052573 do UBND huyện Gia L cấp ngày 12/8/2011. Sau đó ông M chia cho con là Nguyễn Văn Ngọc tại thửa đất số 33(1), tờ bản đồ 08, diện tích 731,2m² gồm 630,1m² đất ở và 101,1m² đất trồng cây lâu năm theo GCNQSDĐ số BG 518373 do UBND huyện Gia L cấp ngày 08/11/2011. Phần còn lại chia cho con là Nguyễn Văn Kh tại thửa đất số 33(2) tờ bản đồ 08, diện tích 424,8m² gồm 369,9m² đất ở và 54,9m² đất trồng cây lâu năm theo GCNQSDĐ số BG 158598 do UBND huyện Gia L cấp ngày 16/02/2012.

Nguyên nhân biến động tổng diện tích được cấp GCNQSDĐ tăng 632m² so với bản đồ năm 1974; tăng 590m² so với bản đồ năm 1976 là do năm 1991 đã được cấp thêm 240m² đất cho con là bà Nguyễn Thị Th. Phần còn lại do gia đình ông M bao chiếm từ 1991 đến 1993 là 350m². Qua xem xét hồ sơ lưu trữ và ý kiến khu dân cư cho thấy đề nghị cấp trả 240m² của bà Nguyễn Thị Th giáp với phần đất đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Nguyễn Văn M là không có cơ sở. UBND xã Đông D thống nhất với kết quả giải quyết về đơn khiếu nại của UBND huyện Gia L đề nghị Tòa án giải quyết theo luật định và đại diện ủy ban có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn H5, chị Nguyễn Thị Tố L1, chị Nguyễn Thị Thu Tr, chị Nguyễn Thị Thu H4 cùng trình bày: Ngày 15/3/1991, gia đình được UBND xã Đông D giao cho diện tích 240m² đất giãn dân theo Phiếu thu nhượng lại nhà ở và đất đề ngày 18/01/1991, Giấy biên nhận đất giãn dân của UBND xã Đông D ngày 15/3/1991. Hiện nay thửa đất có diện tích khoảng 250m² do gia đình em bà Th là ông Nguyễn Văn Kh đang quản lý và sử dụng ổn định từ đó đến nay. Tại thời điểm UBND giao đất giãn dân cho bà Th vào năm 1991, trên diện tích 240m² có căn nhà nhỏ, vì thế tại Phiếu thu số 40 có nêu nộp tiền lệ phí chuyển nhượng lại nhà ở và đất cho bà Nguyễn Thị Th. Năm 1995, do gia đình phải đi làm ăn xa nên bà Th nhờ em trai Nguyễn Văn Kh quản lý, sử dụng ổn định. Quá trình sử dụng, ông Kh đã xây tường rào bằng gạch dài 7,5m tiếp giáp phía ngoài mặt đường (đất có chiều dài 30m) và trồng nhiều cây ăn quả, không có tranh chấp với ai. Như vậy kể từ khi được chính quyền xã Đông D giao đất từ năm 1991 đến nay gia đình đã sử dụng ổn định, lâu dài, không tranh chấp, đủ điều kiện được cấp GCNQSDĐ. Tuy nhiên UBND huyện Gia L lại lấy quyền sử dụng đất mang bán đấu giá. Gia đình không nhận được bất kỳ quyết định thu hồi đất nào của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền, không có dự thảo bồi thường, hỗ

trợ của chính quyền địa phương. Về việc UBND huyện Gia L cho rằng Phiếu thu số 40 ngày 18/01/1991 là phiếu thu thể hiện việc nộp lệ phí, nhượng lại nhà ở và đất chứ không phải là phiếu thu tiền sử dụng đất để được nhận đất. Như đã trình bày gia đình bà có các giấy tờ hợp lệ về việc giao đất của UBND xã Đông D, Phiếu thu số 40 ngày 18/01/1991, Giấy biên nhận của UBND xã Đông D cấp ngày 15/3/1991. Ông Nguyễn Văn H5, chị Nguyễn Thị Tố L1, chị Nguyễn Thị Thu Tr, chị Nguyễn Thị Thu H4 thống nhất với yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Th.

Bà Đặng Thị Nh1, bà Nguyễn Thị Ánh Tuyền, chị Nguyễn Thị Hồng Ng, anh Nguyễn Mạnh M1 thống nhất yêu cầu khởi kiện và yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Th, đề nghị Tòa án chấp nhận các yêu cầu này.

Sau khi Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử, tại Đơn khởi kiện bổ sung đề ngày 17/6/2021, đại diện theo ủy quyền của bà Th có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Quyết định số 9081/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Gia L về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt xã Đông D, huyện Gia L và Quyết định số 4224/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND huyện Gia L về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt tại các khu đất X2, X3, X4 thôn 2, X8, X12, X13 thôn 4, X 19 thôn 6 xã Đông D, huyện Gia L.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2021/HC-ST ngày 22/6/2021, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội quyết định căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143, Điều 30, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 158; điểm a khoản 2 Điều 193, các Điều 194, Điều 204, Điều 206 Luật Tổ tụng hành chính; Luật đất đai 2013, Luật tổ chức chính quyền địa phương; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 20/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; Xử:

1. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Nguyễn Thị Th do ông Nguyễn Văn Kh đại diện gồm:

- Yêu cầu hủy Quyết định số 9081/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Gia L về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật dự án: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt xã Đông D, huyện Gia L.

- Yêu cầu hủy Quyết định số 4224/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND huyện Gia L về việc phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt tại các khu đất X2, X3, X4 thôn 2, X8, X12, X13 thôn 4, X19 thôn 6, xã Đông D, huyện Gia L.

2. Bác các yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th do ông Nguyễn Văn Kh đại diện gồm:

- Yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 2048/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện Gia L về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Th tại thôn 2, xã Đông D, huyện Gia L, Hà Nội.

- Yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 847769, thửa đất LK2, tờ bản đồ khu X3, diện tích 62,4m² tại địa chỉ thôn 2, xã Đông D, huyện Gia L, Hà Nội do UBND huyện Gia L cấp cho ông Nguyễn Văn H5 và vợ là bà Nguyễn Thị Thư ngày 05/9/2019.

Ngoài ra Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 05/7/2021, người khởi kiện là bà Nguyễn Thị Th kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm,

Người khởi kiện vắng mặt, người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện và người đại diện theo ủy quyền của UBND xã Đông D, huyện Gia L đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Hoạt động tiến hành tố tụng của Hội đồng xét xử và Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội là đúng và đầy đủ theo quy định của pháp luật. Đương sự trong vụ án kháng cáo trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 2 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, sửa bản án hành chính theo hướng chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Th : Hủy Quyết định giải quyết khiếu nại số 2048/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện Gia L về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Th; hủy GCNQSDĐ ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 847769 đã cấp cho ông Nguyễn Văn H5.

Căn cứ vào quá trình thẩm tra các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, cũng như tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các tài liệu chứng cứ, ý kiến của những người tham gia tố tụng, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Tại phiên tòa phúc thẩm, người khởi kiện vắng mặt đã có mặt người đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện; một số người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vắng mặt không có lý do. Xét thấy họ đã có lời khai trong vụ án và việc vắng mặt của họ không ảnh

hưởng đến việc giải quyết vụ án. Theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt họ theo quy định của pháp luật.

[2]. Về thời hiệu, thẩm quyền giải quyết và đối tượng khởi kiện:

Bà Nguyễn Thị Th khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định hành chính số 2048/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện Gia L về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Th tại thôn 2, xã Đông D, huyện Gia L, Hà Nội. Đây là Quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai, là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính theo quy định tại khoản 1 Điều 30 Luật tổ tụng hành chính. Ngày 05/4/2019, bà Nguyễn Thị Th nộp đơn khởi kiện là trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính. Ngày 10/12/2020, bà Th có đơn khởi kiện bổ sung yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 84776, thửa đất LK2, tờ bản đồ khu X3, diện tích 62,4m² tại địa chỉ thửa đất tại thôn 2, xã Đông D, huyện Gia L, Hà Nội do UBND huyện Gia L cấp cho ông Nguyễn Văn H5 và vợ là bà Nguyễn Thị Th1 ngày 5/9/2019, với lý do: Trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án, năm 2020 bà Th mới biết được Giấy chứng nhận trên vì bà không phải là đối tượng được cấp giấy chứng nhận và bà đã làm đơn khởi kiện bổ sung nên cấp sơ thẩm xác định còn thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 116 Luật tổ tụng hành chính là có căn cứ. Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội thụ lý và giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng thẩm quyền theo quy định tại Điều 32 Luật Tổ tụng hành chính.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung của bà Th tại đơn đề ngày 17/6/2021, yêu cầu hủy Quyết định số 9081/QĐ-UBND ngày 28/10/2016 của UBND huyện Gia L và Quyết định số 4224/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND huyện Gia L. Tòa án cấp sơ thẩm cho rằng Quyết định số 9081/QĐ-UBND và Quyết định số 4224/QĐ-UBND không phải là đối tượng khởi kiện vụ án hành chính, không thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án, vì: *Theo quy định tại khoản 1, 2 Điều 3 Luật tổ tụng hành chính thì Quyết định hành chính là văn bản do cơ quan hành chính Nhà nước... hoặc người có thẩm quyền trong cơ quan, tổ chức đó ban hành quyết định về vấn đề cụ thể trong hoạt động quản lý hành chính được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể và quyết định đó làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân hoặc có nội dung làm phát sinh nghĩa vụ, ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức.* Như vậy, Quyết định số 9081/QĐ-UBND và Quyết định số 4224/QĐ-UBND không thỏa mãn các điều kiện trên, không được áp dụng một lần đối với một hoặc một số đối tượng cụ thể và không làm phát sinh, thay đổi, hạn chế, chấm dứt quyền, lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức, cá nhân... Do vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đã căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 123, điểm h khoản 1 Điều 143 Luật Tổ tụng Hành chính, đình chỉ giải quyết đối

với yêu cầu bổ sung này của bà Nguyễn Thị Th là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về trình tự, thủ tục và thẩm quyền ban hành quyết định hành chính bị khiếu kiện:

Theo quy định Luật tổ chức chính quyền địa phương; Luật khiếu nại 2011; Luật đất đai 2013 và phân công nhiệm vụ của UBND huyện Gia L thì Phó chủ tịch là người được giao phụ trách, ký thay Chủ tịch UBND huyện Gia L ban hành Quyết định số 2048/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 là đúng chức năng, nhiệm vụ và thẩm quyền.

Sau khi nhận được đơn của bà Nguyễn Thị Th khiếu nại Văn bản số 2706/UBND-TN&MT ngày 29/10/2018 của UBND huyện Gia L về việc giải quyết khiếu nại liên quan đến quyền sử dụng đất của gia đình bà tại xã Đông D. UBND huyện Gia L đã thụ lý đơn khiếu nại, đồng thời giao cho cơ quan chuyên môn để xác minh, lập hồ sơ giải quyết khiếu nại. Căn cứ vào Báo cáo số 451/BC-TN&MT ngày 11/3/2019 của phòng Tài nguyên và Môi trường về kết quả xác minh khiếu nại của của bà Nguyễn Thị Th. Ngày 11/3/2019, Chủ tịch UBND huyện Gia L ban hành Quyết định số 2048/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Th là đúng trình tự, thủ tục thụ lý và giải quyết khiếu nại theo quy định tại Điều 36 và Điều 38 Luật khiếu nại năm 2011.

[4]. Xem xét nội dung khởi kiện và kháng cáo của người khởi kiện, Hội đồng xét xử phúc thẩm đồng tình với quan điểm và nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm, thấy:

Về nguồn gốc và quá trình sử dụng đất: Theo báo cáo của UBND xã Đông D, HTX dịch vụ nông nghiệp, Hội đồng cấp GCNQSDĐ tại Báo cáo số 125/BC-UBND ngày 21/8/2018, Biên bản làm việc ngày 8/8/2018, Biên bản họp tư vấn của các phòng ban ngày 27/9/2018 thì thửa đất của gia đình ông Nguyễn Văn Kh đang sử dụng tại thôn 2, xã Đông D; huyện Gia L, Hà Nội có nguồn gốc là đất của gia đình ông Nguyễn Văn M (bố ông Nguyễn Văn Kh và bà Nguyễn Thị Th) nhận chuyển nhượng từ cụ phó Thụy trước năm 1954 khoảng 1,5 sào (540m²). Hiện tại UBND xã và gia đình không còn lưu giữ giấy tờ chuyển nhượng thời kỳ đó. Phần đất này thể hiện trên bản đồ năm 1974 tại thửa đất số 89 có diện tích 524m² và thể hiện trong sổ mục kê năm 1986 tại thửa đất số 294, tờ bản đồ số 5, diện tích 566m² (bản đồ thể hiện thửa số 464, diện tích 566m²). Vào khoảng năm 1989, Hợp tác xã cấp thêm cho con gái ông M là bà Nguyễn Thị Th 240m² (theo Giấy biên nhận ngày 15/3/1991, do ông Nguyễn Hữu Thất - Phó Chủ tịch UBND xã Đông D ký). Sau khi được cấp đất, bà Th chuyển nhượng lại cho bố là ông Nguyễn Văn M nên có phiếu thu lệ phí nhượng lại nhà ở + đất ngày 18/1/1991 với số tiền 50.000 đồng.

Xác minh của UBND xã Đông D và ý kiến khu dân cư (những người ký giấy biên nhận về tạm giao đất năm 1991) cho bà Th và cấp GCNQSDĐ cho gia

đình ông M thể hiện, phần diện tích 240m² đất UBND xã Đông D đã cấp cho bà Nguyễn Thị Th đã được đo gộp vào thửa đất thổ cư cũ của gia đình ông M năm 1993, thể hiện tại thửa đất số 33 tờ bản đồ số 8 bản đồ đo vẽ năm 1993-1994, diện tích 1156m² và đã được cấp GCNQSDĐ cho gia đình ông Nguyễn Văn M với diện tích 1156m². Vị trí giao đất cho bà Th là ao của HTX trước cửa nhà ông M, giáp với thửa đất thổ cư cũ của gia đình ông M và đây là phần đất giáp với cầu ao có cây dừa của nhà ông M, đã được thể hiện tại thửa đất 475 và thửa 464 tờ bản đồ đo vẽ năm 1986 và đã được UBND xã Đông D và HTX dịch vụ nông nghiệp, Hội đồng cấp GCNQSDĐ, những người giao đất thời điểm năm 1991 xác nhận tại Biên bản làm việc ngày 08/8/2018.

Về hồ sơ địa chính: UBND xã Đông D hiện đang lưu giữ bản đồ đo vẽ năm 1974 thể hiện, thửa đất số 89 diện tích 524m² thuộc tờ bản đồ Đông D Thượng; sổ mục kê năm 1986 được thể hiện thửa đất số 294, tờ bản đồ số 5, diện tích 566m² (bản đồ thể hiện thửa số 464, diện tích 566m²) loại đất thổ cư (T) mang tên Nguyễn Văn M; Bản đồ năm 1986 thửa đất bà Th đang kiến nghị thuộc thửa đất số 475, tờ bản đồ 05, diện tích 1660m², ghi ký hiệu là (A) loại đất ao Hợp tác xã; Bản đồ đo vẽ năm 1993-1994 thể hiện, thửa đất số 33, tờ bản đồ 08, diện tích 1156m² loại đất thổ cư (T) mang tên Nguyễn Văn M. Thửa đất không có nông nghiệp giao theo Nghị định số 64/CP chuyển về vườn. Như vậy, so sánh các tài liệu lưu giữ là các bản đồ tại UBND xã Đông D cho thấy, diện tích đất nhà ông M qua các thời kỳ như: Bản đồ năm 1974 là 524m², bản đồ năm 1986 là 566m² (tăng 42m² so với bản đồ năm 1974); diện tích theo bản đồ năm 1993 -1994 là 1156m² (tăng 590m² so với bản đồ năm 1986, diện tích này thuộc thửa 475, tờ bản đồ số 5 bản đồ năm 1986 và đã được cấp GCNQSDĐ cho ông M là đất ở và không phải nộp tiền sử dụng đất).

Đánh giá về Phiếu thu số 40 ngày 18/1/1991, thể hiện việc nộp lệ phí nhượng lại nhà ở + đất 50.000 đồng, không phải là phiếu thu đã nộp tiền để được sử dụng đất và nhận đất ở.

Đối với giấy biên nhận ngày 15/3/1991 (do Phó chủ tịch xã Nguyễn Hữu Thất ký) thể hiện chỉ có tính xác nhận vì đã giải quyết đất ao cho bà Th trước đó tại vị trí ao của HTX trước cửa nhà ông M giáp với thửa đất thổ cư cũ của nhà ông M (giáp cầu ao có cây dừa cạnh nhà ông M) và đây không phải là giấy xác nhận thời điểm giao đất cho bà Th ngày 15/3/1991. Từ trước năm 1991 đến năm 2008 trên địa bàn xã Đông D, bà Th không có thửa đất nào khác và không liên hệ với UBND xã để làm các thủ tục liên quan đến đất đai và bà Th không có tên trong hồ sơ địa chính tại xã Đông D; Từ năm 2008 bà Th có đất ở nhà chồng, tại thôn 7 xã Đông D do gia đình nhà chồng chia cho vợ chồng bà. Vấn đề này UBND xã Đông D, HTX dịch vụ nông nghiệp và Hội đồng cấp GCNQSDĐ cho ông M đã kết luận tại Biên bản làm việc ngày 02/10/2018, trong khi bà Th không có tài liệu chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, ngoài phiếu thu và giấy biên nhận. Gia đình ông Nguyễn Văn M được UBND huyện Gia L cấp

GCNQSDĐ số AD 39165 theo Quyết định số 1340/QĐ-UBND ngày 29/12/2005 tại thửa đất số 33, tờ bản đồ 08, bản đồ đo vẽ năm 1993-1994, diện tích 1156m² (trong đó 240m² đất UBND xã Đông D đã cấp cho bà Th và được cấp gộp vào thửa đất thổ cư cũ của nhà ông M tại bản đồ đo vẽ năm 1993-1994). Trong 1156m² đất đã cấp GCNQSDĐ gồm 1000m² cấp với mục đích đất ở không phải nộp tiền sử dụng đất (trong đó 566m² sử dụng trước 1986 và 434m² sử dụng từ năm 1986 đến năm 1993; 156m² đất trồng cây lâu năm). Sau đó, ông M chia cho con trai Nguyễn Văn Kh sử dụng thửa đất số 33(2), tờ bản đồ 08, diện tích 424,8m² (gồm 369,9m² đất ở và 54,9m² đất trồng cây lâu năm) theo GCNQSDĐ số BG 158598 do UBND huyện Gia L cấp ngày 16/2/2012. Phần còn lại chia cho con là Nguyễn Văn Ngọc sử dụng thửa đất số 33(1), tờ bản đồ 08, diện tích 731,2m² (gồm 630,1m² đất ở và 101,1m² đất trồng cây lâu năm) theo GCNQSDĐ số BG 158373 do UBND huyện Gia L cấp ngày 8/11/2011. Phòng Tài nguyên môi trường UBND huyện Gia L phối hợp với UBND xã Đông D tiến hành kiểm tra hiện trạng sử dụng đất cho thấy, phần diện tích nhà bà Th đang kiến nghị, gia đình ông Kh đang sử dụng làm vườn. Sau khi bà Th có đơn đề nghị UBND cấp trả phần đất giãn dân nằm liền kề đất thổ cư của nhà ông M tại xã Đông D theo Phiếu thu tiền số 40 ngày 18/1/1991. Ngày 29/8/2018, UBND huyện Gia L ban hành Văn bản số 2760/UBND-TNMT về việc kiểm tra xác minh đơn của bà Th. Do không thống nhất kết quả giải quyết của UBND huyện Gia L, bà Th đã khiếu nại Văn bản số 2760/UBND-TNMT và ngày 11/3/2019 Chủ tịch UBND huyện Gia L đã ban hành Quyết định giải quyết khiếu nại số 2048/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của bà Th đối với Văn bản số 2760/UBND-TNMT ngày 29/10/2018 là không có cơ sở.

Như vậy, từ khi được cấp đất đến nay, bà Th không trực tiếp sử dụng đất được cấp mà chuyển quyền luôn cho bố là Nguyễn Văn M. Sau đó bà Th đã thoát ly theo chồng vào Nam sinh sống. Phần đất được cấp cho ông M được san lấp mà bà Th cho rằng đất đó do UBND xã cấp cho gia đình ông M xây dựng để bảo vệ phần đất thuê thầu từ sau năm 1993 (theo Hợp đồng Kinh tế số 301/HD-UBND ngày 15/1 2008 và biên bản Th lý Hợp đồng ngày 10/9/2012) để ông M bàn giao mặt bằng xây dựng Nhà văn hóa thôn 2. Diện tích đất bà Th yêu cầu khởi kiện thuộc thửa đất số 40 và 41 bản đồ đo vẽ năm 1993-1994 ghi tên trong sổ giã ngoại là Hợp tác xã (đất công do UBND xã quản lý) không phải phần diện tích đất đã cấp cho bà Th năm 1989 vì bà Th không chỉ được mốc giới và vị trí giao đất cụ thể. Phần đất này UBND huyện Gia L đã tổ chức đấu giá. Trước khi đấu giá, Ban quản lý dự án đã lên phương án hỗ trợ cây cối, tài sản trên đất cho gia đình ông Nguyễn Văn Kh và ông Nguyễn Hữu Nhượng (tự sử dụng một phần thửa đất 41) nhưng gia đình ông Nguyễn Văn Kh không nhận tiền hỗ trợ, đồng thời bà Đặng Thị Nh1 (vợ ông Kh) không thực hiện việc di dời tài sản trên đất theo Thông báo số 54/TB-UBND ngày 09/5/2018 và Thông báo số 175/TB-UBND ngày 06/12/2018 của UBND xã Đông D, huyện Gia L.

Từ những phân tích trên, cấp sơ thẩm cho rằng việc bà Th đề nghị UBND cấp trả phần đất giãn dân nằm liền kề đất thổ cư của nhà ông M tại xã Đông D là không có căn cứ chấp nhận.

Xét yêu cầu hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 847769, thửa đất số: LK2 tờ bản đồ số: Khu X3, diện tích 62,4m², tại địa chỉ thôn 2 xã Đông D, huyện Gia L, thành phố Hà Nội do UBND huyện Gia L cấp cho ông Nguyễn Văn H5 và bà Nguyễn Thị Th1 ngày 05/9/2019 thấy rằng: Ngày 05/10/2016, UBND thành phố Hà Nội ban hành Quyết định số 5556/QĐ-UBND v/v thu hồi 3126,8m² đất tại xã Đông D, huyện Gia L, giao UBND huyện Gia L thực hiện việc đấu giá quyền sử dụng đất. Ngày 08/10/2016, UBND huyện Gia L ban hành Quyết định số 9081/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt xã Đông D, huyện Gia L. Ngày 29/5/2018, UBND huyện Gia L ban hành Quyết định số 4224/QĐ-UBND phê duyệt phương án đấu giá quyền sử dụng đất để phục vụ công tác đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt tại các khu X2, X3, X4 thôn 2; X8, X12, X13 thôn 4; X 19 thôn 6 xã Đông D. Ngày 03/4/2019, UBND huyện Gia L ban hành Quyết định số 2592/QĐ-UBND về việc phê duyệt kết quả trúng đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt xã Đông D.

Ngày 26/8/2019, Phòng Tài nguyên và Môi trường huyện Gia L có Tờ trình số 2379/TTr-TNMT về việc đề nghị cấp GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho 5 trường hợp trúng đấu giá quyền sử dụng đất ở tại xã Đông D, trong đó có trường hợp của ông Nguyễn Văn H5 và bà Nguyễn Thị Th1 trúng đấu giá quyền sử dụng đất tại thửa đất số LK2, lô đất X2, thôn 2 đã được UBND huyện Gia L phê duyệt ngày 27/8/2019 và được UBND huyện Gia L cấp GCNQSDĐ số CR 847769. Đối với Quyết định số 9081/QĐ-UBND về việc phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật đầu tư xây dựng công trình: Xây dựng hạ tầng kỹ thuật phục vụ đấu giá quyền sử dụng đất nhỏ, kệt xã Đông D, huyện Gia L, tại đơn yêu cầu của ông Nguyễn Văn Kh (đại diện ủy quyền của bà Th) đề nghị Tòa án trung cầu giám định Quyết định này, cho rằng văn bản này có sự tẩy xóa số văn bản và ngày, tháng ra văn bản, bởi văn bản này là nguồn chứng cứ quan trọng, căn cứ để giải quyết vụ án.

Tại Kết luận giám định số 109/GĐKTHS-P11 ngày 17/5/2021 của Phòng giám định kỹ thuật hình sự - Bộ Quốc phòng, kết quả như sau: Tại vị trí số “81” của cụm chữ số “9081” và số “8” của cụm chữ số “ngày 28 tháng 10 năm 2016” cần giám định ở dòng thứ 3 từ trên xuống của Quyết định phê duyệt báo cáo kinh tế - kỹ thuật (ký hiệu A) bị tẩy xóa bằng bút xóa bằng màu trắng, nội dung nguyên thủy trước khi bị xóa tại vị trí số “81” của cụm chữ số “9081” là số “38”, tại vị trí số “8” của cụm chữ số “ngày 28 tháng 10 năm 2016” là số “8”. UBND huyện Gia L cung cấp cho Tòa án Quyết định số 9038/QĐ-UBND của UBND huyện Gia L về việc thuộc dự án khác. Tuy nhiên, cho dù có sự tẩy xóa

nhưng chỉ là số của văn bản không phải là nội dung của văn bản và sự tẩy xóa này không thay đổi bản chất của vấn đề làm ảnh hưởng đến yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện. Như vậy, bà Th cho rằng, UBND huyện Gia L đã đấu giá quyền sử dụng đất ngay trên diện tích đất mà bà Th đề nghị UBND cấp trả phần đất giãn dân nằm liền kề đất thổ cư của nhà ông M tại xã Đông D nhưng bà Th không chứng minh được phần đất này là của mình như đã nhận định ở trên. Hơn nữa, bà Th cũng không có tài liệu nào xác định được mốc giới và vị trí cụ thể đất bà được cấp trước đây. Đất này thuộc thửa đất số 40 và 41 bản đồ đo vẽ năm 1993-1994 ghi tên trong Sổ giã ngoại là Hợp tác xã (đất công do UBND xã quản lý). Khu X3 thôn 2 đã trúng đấu giá của các hộ ông Nguyễn Minh T1 (LK1, LK5), ông Nguyễn Văn H5 (LK2), ông Phan Tiến Dung (LK3), ông Hoàng Minh Khôi (LK4). Phần đất này không liên quan đến việc cấp đất trước đây cho bà Th nên không cần thiết phải đưa những hộ đã trúng thầu khác tham gia vụ án với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Do bà Th có yêu cầu hủy GCNQSDĐ mang tên ông Nguyễn Văn H5 và bà Nguyễn Thị Th1 nên cấp sơ thẩm đã xem xét, giải quyết yêu cầu này trong cùng vụ án là có căn cứ.

Đối với yêu cầu khởi kiện bổ sung hủy Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 4883/2019/HĐCN do Văn phòng công chứng An Kh1 chứng nhận ngày 09/10/2019 giữa ông Nguyễn Văn H5 và vợ là bà Nguyễn Thị Th1 cho ông Phạm Anh T1 và vợ là bà Đặng Thị Hiền: Tòa án đã có văn bản gửi Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện Gia L đề nghị cung cấp biến động đối với thửa đất số LK2, tờ bản đồ số: Khu X3 diện tích 62,4m² tại thôn 2 xã Đông D, huyện Gia L, Hà Nội do UBND huyện Gia L cấp cho ông Nguyễn Văn H5 và vợ là bà Nguyễn Thị Th1, tuy nhiên đến ngày xét xử sơ thẩm Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện Gia L không có văn bản trả lời. Tại thời điểm xét xử sơ thẩm vụ án (ngày 22/6/2021), Tòa án cấp sơ thẩm đã tra cứu thông tin trên cổng thông tin điện tử của Văn phòng đăng ký đất đai - Chi nhánh huyện Gia L thì Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất số 4883/2019/HĐCN do văn phòng công chứng An Kh1 chứng nhận ngày 09/10/2019 (từ ngày ông Nguyễn Văn H5 và vợ là bà Nguyễn Thị Th1 cho ông Phạm Anh T1 và vợ là bà Đặng Thị Hiền) đã bị hủy bởi văn bản hủy Hợp đồng chuyển nhượng mua bán số 5808/2019/VBH ngày 07/12/2019 với nội dung “hủy hợp đồng số 4883/2019/HĐCN”. Do Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất giữa vợ chồng ông Nguyễn Văn H5, bà Nguyễn Thị Th1 cho ông Phạm Anh T1 và bà Đặng Thị H4 đã bị hủy nên Tòa án cấp sơ thẩm không đưa ông Phạm Anh T1, bà Đặng Thị H4, Văn phòng Công chứng An Kh1 vào tham gia tố tụng trong vụ án là đúng quy định của pháp luật.

Căn cứ Luật Đất đai 2013, Nghị định số 43/2014/NĐ-CP, Nghị định số 01/2017/NĐ-CP, Thông tư số 23/2014/TT-BTNMT của Bộ Tài nguyên & Môi trường, Quyết định số 12/2017/QĐ-UBND ngày 31/3/2017 của UBND thành phố Hà Nội, Quyết định số 24/2018/QĐ-UBND ngày 15/10/2018 của UBND thành

phố Hà Nội, xét Tờ trình số 4060/TTr-VPĐKĐDGL của Văn phòng đăng ký đất đai Hà Nội - Chi nhánh Gia L, UBND huyện Gia L đã cấp GCNQSDĐ cho các trường hợp trúng thầu có tên trên là đúng quy trình và đúng pháp luật. Do vậy, yêu cầu của bà Nguyễn Thị Th đề nghị hủy GCNQSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 847769 cấp cho ông Nguyễn Văn H3 và bà Nguyễn Thị Th1 ngày 5/9/2019 không có căn cứ chấp nhận.

[5]. Từ những nhận định trên, Tòa án cấp sơ thẩm đã bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Th đề nghị hủy Quyết định hành chính số 2048/QĐ-UBND ngày 11/3/2019 của Chủ tịch UBND huyện Gia L về việc giải quyết đơn khiếu nại của bà Nguyễn Thị Th và yêu cầu hủy GCNQSDĐ ở, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CR 847769, thửa đất LK2, tờ bản đồ khu X3, diện tích 62,4m² tại địa chỉ thửa đất tại thôn 2, xã Đông D, huyện Gia L, Hà Nội cấp cho ông Nguyễn Văn H5 và vợ là bà Nguyễn Thị Th1 là có căn cứ. Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay, đại diện theo ủy quyền của người khởi kiện kháng cáo nhưng không xuất trình được chứng cứ, tài liệu mới nên không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

[6]. Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà Nguyễn Thị Th phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định. Tuy nhiên, bà Th là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm theo Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tổ tụng hành chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị Th do ông Nguyễn Văn Kh là đại diện theo ủy quyền; giữ nguyên các quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 134/2021/HC-ST ngày 22 tháng 6 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội.

[2]. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Nguyễn Thị Th.

[3]. Các quyết định khác của bản án hành chính sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

[4]. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND Tp Hà Nội;
- VKSND Tp Hà Nội;
- Cục THADS Tp Hà Nội;
- Các đương sự (theo đ/c);
- Lưu HS, PHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Anh Tài